

Bản án số: 105/2024/HS-PT

Ngày: 28-02-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Minh Tâm

Các Thẩm phán:

Ông Võ Văn Khoa

Bà Trần Thị Thúy Hồng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Duẩn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Phụng, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở phòng xét xử trực tuyến Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (điểm cầu thành phần: Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang) xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 774/2023/TLPT-HS ngày 10/10/2023, đối với bị cáo Nguyễn Tấn Đ và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2023/HS-ST ngày 30/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 76/2024/QĐPT-HS ngày 01 tháng 02 năm 2024.

- **Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 06/9/2002 tại V, Kiên Giang; nơi cư trú: Khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Trọng N, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1975; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ ngày 30/12/2022, tạm giam ngày 02/01/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Út N1, sinh ngày 17/7/2001 tại V, Kiên Giang; nơi cư trú: Tổ A, ấp C, xã B, huyện V, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N2, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1954; vợ Huỳnh Thị Mộng N3, sinh năm 2002 và 01 người con sinh năm 2018; tiền sự: Ngày 20/8/2022 bị Ủy ban nhân dân xã V ra quyết định xử phạt vi phạm hành

chính 2.500.000đ về hành vi đánh nhau, gây thương tích; tiền án: Không; nhân thân: Ngày 12/01/2023 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V khởi tố về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự, hiện đang điều tra, chưa kết luận; tạm giữ ngày 31/12/2022; tạm giam ngày 05/01/2023 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Phan Tuấn K, sinh ngày 02/4/2004 tại V, Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện V, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: thợ làm tóc; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn L1, sinh năm 1978 và bà Đỗ Thị Bích L2, sinh năm 1979; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ ngày 31/12/2022, tạm giam ngày 05/01/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Phan Tuấn C (Tên gọi khác: Phan Vũ L3), sinh ngày 05/8/2005 tại V, Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện V, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: thợ làm tóc; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn L1, sinh năm 1978 và bà Đỗ Thị Bích L2, sinh năm 1979; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ ngày 31/12/2022, tại ngoại ngày 05/01/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Lê Hữu Đ1, sinh ngày 05/8/2005 tại V, Kiên Giang; nơi cư trú: Tổ D, ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Minh T1, sinh năm 1980 và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1982; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ ngày 31/12/2022, tại ngoại ngày 05/01/2023. Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Duy H, sinh ngày 08/3/2006 tại V, Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: thợ làm tóc; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ2, sinh năm 1977 và bà Phan Thị Mỹ N4, sinh năm 1980; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ ngày 31/12/2022, tại ngoại ngày 05/01/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tấn Đ: Luật sư Nguyễn Thanh Bảo D, Đoàn luật sư Thành phố H. có mặt

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Duy H, Phan Tuấn C, Lê Hữu Đ1: Ông Trần K1 – Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh K. có mặt

- *Đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Duy H:* Ông Nguyễn Văn Đ2, sinh năm 1977 và bà Phan Thị Mỹ N4, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Kiên Giang. có mặt

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Tô Trọng N5, Lý M, Trần Văn K2, Nguyễn Vũ L4, Lương Văn L5, Bùi Văn T2, Trần Văn Chí K3 và đại diện hợp pháp cho bị hại nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ ngày 29/12/2022, Nguyễn Vũ L4 rủ Lương Văn L5, Trần Văn C1 Khương đến chợ V thuộc ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang dự khai trương vừa bán trái cây “Ngọc Dur” của chị Phan Thị Ngọc D1. Lúc này trong vừa trái cây gồm có: chị D1, L4, L5, C, Huỳnh Phục E, Ngọc H1, T3, T4, T5, N3, L4, K3 và một số người thanh niên khác (không biết tên) ngồi uống rượu chung bàn. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, Huỳnh Thiên H2, Tô Trọng N5, Lý M đến quán cà phê “Hồng Tươi” gần vừa trái cây “Ngọc Dur” uống nước. Phục Em và T3 mới rủ M, Thiên H2 và Nguyễn qua uống rượu chung. Trong lúc uống rượu chung bàn không có ai xảy ra cự cãi gì, L4 thấy M, Thiên H2 nhìn nên L4 cho rằng nhìn đều kiếm chuyện đánh nhóm L4. Luân nhắn tin qua ứng dụng Messenger facebook lên nhóm FC (nhóm đá bóng) “mọi người đầu hết rồi, qua chợ V1 Nam nhậu rước anh về dùm”. Nguyễn Tấn Đ và Bùi Văn T2 đang đá bóng ở thị trấn V, huyện V nhận được tin nhắn của L4 thì Đ gọi lại cho L4. L4 nói với Đ “có mấy thằng muốn kiếm chuyện đánh anh”, Đ nói lại cho T2 biết qua rước L4 về, T2 chạy xe mô tô chở Đ về nhà thay quần áo. T2 thấy Phan Tuấn K, Phan Tuấn C, Trần Danh N6 đang uống cà phê ở quán Sông Đăng kế bên nhà Đ nên T2 rủ K, C, N6 đi rước L4 đang dựng chuyện ở xã V “ ý của T2 có đánh nhau thì đánh trả lại phía bên kia” thì K, C, N6 đồng ý. Đ lấy 02 cây dao Thái lan, cán gỗ giấu trong người đi ra thì Nguyễn Duy H điện thoại qua ứng dụng Messenge cho T2 hỏi “có đi rước đại ca không”, T2 nói đang chuẩn bị tập trung trước nhà Đ và kêu H chạy đến cùng đi; khoảng 05, 10 phút sau H chở Lê Hữu Đ1 đến nhà Đ. 07 người cùng đi T2 điều khiển xe chở K trong người có mang theo 01 cây dao bấm, C chở Đ, H chở Đ1, N6 chạy xe của T2 đi một mình đến quán “Ngọc D1” gặp L4. Tất cả giải tán nghỉ uống rượu T, M, N5 từ giã ra về, L4 bước ra nói với Đ mấy thằng đó muốn kiếm chuyện với anh nhưng đã chạy về hết rồi, Lưu đưa người bạn gái tên C2 đi về gần đó rồi quay trở lại vừa trái cây Ngọc D1.

Lúc này Huỳnh Thiên H2, Lý M và Tô Trọng Nguyễn đi về đến nhà của Bé H3 (M đang ở nhờ), H2 nói với M và N5 “lúc này ra về tội nó chửi tội mình, lấy

đồ xuống chơi tại nó”, H2 rủ M, Nguyễn chặn đường nhóm của L4 đánh; M, N5 đồng ý. H2 và M kêu N5 chạy xe lại nhà L6 rước Trần Út N1, Nguyễn đến nhà L6 thấy Út N1 đang uống rượu với Trần văn K4, Nguyễn Tấn A và B. N5 nói với Út N1 thằng H2 kêu anh xuống chợ tiếp nó, có mấy thằng đó đến kiểm chuyện, Út N1, K4, A đồng ý đi, Nguyễn chạy xe mô tô chở Út N1, K4 chạy xe chở A đến nhà Bé H3 gặp H2 và M đang chờ. H2 lấy 02 cây dao tự chế và 01 bình xịt hơi cay, H2 cầm 01 cây dao tự chế và 01 bình xịt hơi cay, M cầm 01 cây dao tự chế. H2 nói cho Út N1 biết có mấy thằng đến kiểm chuyện, chạy xuống tiếp em (có nghĩa rủ đi đánh nhau). 06 người đồng ý đi, Nguyễn điều khiển xe chở Thiên H2 ngồi giữa cầm bình xịt, Út N1 ngồi sau cầm dao tự chế chạy trước, K4 điều khiển xe chở A ngồi giữa, M cầm dao tự chế ngồi sau đến chợ xã V, huyện V về hướng cầu E nhỏ ra thị trấn V, huyện V. H2 hỏi trong nhóm lại chém luôn hay đến khúc vắng đợi; M kêu cả nhóm chạy đến đoạn đường vắng, thưa nhà dân, không có đèn đường, không có camera để chờ nhóm của L4 chạy đến chặn đường đánh, chém nhằm mục đích không bị nhóm L4 nhận dạng và không biết ai đánh. Nhóm của Thiên H2 đậu cập mé lộ chờ khoảng 05 phút sau, Đ điều khiển xe chở L4 chạy trước, H2 chở Đ1, C chở K, L5 chở K3, N6 chở Đ1, T2 chạy xe một mình, Duy H chạy xe một mình ở phía sau được khoảng 100 đến 200 mét. Huỳnh Thiên H2 cầm bình xịt hơi cay, Lý M cầm dao tự chế, Trần Út N1 cầm dao tự chế đi ra đứng căng hàng ngang giữa lộ, Tô Trọng N5 cầm 02 cục đá, Nguyễn Tấn A cầm 02 cục đá đứng phía sau, Trần Văn K2 đứng cạnh chiếc xe mô tô sau cùng. Khi nhóm Đ chạy xe mô tô đến cách khoảng 20, 30 mét phát hiện nhóm Thiên H2 chặn đường ở phía trước thì nhóm của Đ dừng xe lại xuống xe. Út Nhỏ hỏi Thiên H2 phải tại nó không, Thiên H2 nói đúng rồi, Đ nói không phải anh ời; Đ và L4 bước tới. Thiên H2 cầm bình xịt hơi cay xịt vào người Đ; Út N1 cầm dao tự chế nhìn thấy L4 định xông vào đánh nhau, Út N1 xô L4 té ngã xuống đường và dùng dao tự chế chém Đ một nhát bằng bề sống vào lưng, M cầm dao tự chế chạy đến chém L4 một nhát bằng bề sống trúng vào vùng lưng. Út Nhỏ tiếp tục cầm dao tự chế chạy đến chém bằng bề sống trúng vào vai của L4 một nhát, L4 bỏ chạy về hướng cầu 500 nhỏ để tìm hung khí. M, Út N1 cầm dao tự chế cùng N5 và A cầm đá rượt theo nhóm của L4 bỏ chạy về hướng xã V gây náo loạn khu dân cư.

Đ móc 02 cây dao Thái lan, cán gỗ trong túi quần bên trái ra cầm trên hai tay chạy đến sau lưng Thiên H2, Đ dùng tay phải cầm dao đâm 02 nhát trúng vào hông và lưng Thiên H2 (theo chiều hướng từ dưới lên), Thiên H2 dùng mũ bảo hiểm ném Đ không trúng. Đ bỏ chạy về hướng xã V tìm đồng bọn. Út Nhỏ và M rước đuổi theo nhóm của Đ không kịp nên quay trở lại, Út N1 dùng chân

đạp ngã 01 chiếc xe mô tô của nhóm Đ xuống đường. Thiên Hưng liền la lên “anh ơi, nó đâm em rồi”. Lúc này Út N1, M, N5, A định đưa Thiên H2 đi bệnh viện cấp cứu thì nhóm Đ kéo đến L5 cầm võ chai, K3 cầm khúc cây trầm và mũ bảo hiểm, T2 cầm khúc cây trầm và đoạn sắt, Đ1 cầm ghế nhựa màu xanh và một khúc cây dài khoảng 01 mét, C cầm khúc ống tuýp dài khoảng 50 đến 70cm và dây xích xe mô tô, K cầm một đoạn cây gỗ to bằng cổ tay dài khoảng 60cm, Duy H cầm khúc cây và cái ghế mũ màu đỏ, N6 cầm gấp sau xe mô tô và 01 khung sắt hình hộp, Đ cầm dao Thái lan quay trở lại la lối chửi bới um sùm, gây náo loạn cả khu vực để tìm nhóm Thiên H2, Út N1, M, K2, A, N5 để đánh lại. Khuôn điều khiển xe chở A và M cầm 02 cây dao tự chế bỏ chạy về nhà. N5 điều khiển xe mô tô chở Thiên H2 ngồi giữa, Út N1 ngồi sau đưa Thiên H2 đến bệnh viện huyện V, tỉnh Kiên Giang cấp cứu nhưng Thiên H2 đã tử vong. Còn nhóm của Đ, L5, T2, C, K, N6, Duy H, Đ1, K3 không thấy L4 nên cả nhóm truy tìm la hét, um sùm, gây náo loạn khoảng 05 phút sau thấy L4 từ bờ sông đi lên và cả nhóm lên xe đi về thấy Đ bị thương mặt trong 03 ngón tay phải nên đưa Đ đến bệnh viện huyện V khâu vết thương xong, Đ đến Công an huyện V đầu thú.

Tại bản kết luận Giám Định Pháp y tử thi số 1271/KL-KTHS ngày 27/01/2023 của Phòng K5 - Công an tỉnh K. Kết luận Huỳnh Thiên H2, sinh năm 2006 như sau:

1. Các kết quả chính:

- Trên người nạn nhân có vết thương ở đường nách sau bên phải khoan liên sườn số 9, 10, vết thương có kích thước 1,6cm x 0,7cm, bờ mép sắc gọn sâu vào ổ bụng, theo hướng chéch lên trên và sang trái gây đứt thủng vùng trước dưới thùy phải gan dài 3,5cm, sâu 5,5cm;
- Tim, phổi, lách và 02 thận không tổn thương;
- Các vết thương vùng lưng phải, mặt sau khuỷu tay trái, đốt gần ngón 1 bàn tay trái chỉ gây tổn thương phần mềm;

2. Nguyên nhân tử vong: Sốc mất máu cấp do vết thương đường nách sau bên phải xuyên thấu vào ổ bụng gây đứt thủng vùng trước dưới thùy gan phải.

3. Cơ chế hình thành vết thương: Thương tích dẫn đến tử vong trên người nạn nhân Huỳnh Thiên H2 có đặc điểm phù hợp với đặc điểm của vết thương do vật sắc nhọn gây nên.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 235/KL-TTCT-PY ngày 06/4/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh K kết luận: Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 2002 như sau.

1. Các kết quả chính.

Kết quả khám giám định:

- Sẹo phần mềm khuỷu tay phải, ngón II, III tay phải;
- Vết thương ngón IV tay phải. Hiện cứng các khớp liên đốt ngón IV tay phải;

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22 ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Tấn Đ tại thời điểm giám định là 12% (mười hai phần trăm).

3. Vật gây thương tích:

- Thương tích vùng khuỷu tay phải do vật tày có góc, cạnh gây nên;
- Thương tích ngón II, III và IV bàn tay phải do vật sắc gây nên.

4. Cơ chế hình thành vết thương: Thương tích ngón II, III và IV bàn tay phải do vật sắc tác động theo hướng từ trước ra sau so với trục giải phẫu của cơ thể.

Tại Bản cáo trạng số 52/CT-VKSTKG-P2 ngày 15/6/2023 của Viện kiểm sát nhân tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Tấn Đ về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự; các bị cáo Lý M, Trần Út N1, Tô Trọng N5, Trần Văn K2 đã phạm vào tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm a, b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Vũ L4, Bùi Văn T2, Lương Văn L5, Phan Tuấn K, Trần Văn Chí K3, Phan Tuấn C, Lê Hữu Đ1, Nguyễn Duy H phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2023/HS-ST ngày 30/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn Đ phạm tội “Giết người”;

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 tuyên bố các bị cáo Lý M, Trần Út N1, Tô Trọng N5 và Trần Văn K2 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 tuyên bố các bị cáo Nguyễn Vũ L4, Bùi Văn T2, Lương Văn L5, Phan Tuấn K, Trần Văn Chí K3, Phan Tuấn C, Lê Hữu Đ1, Nguyễn Duy H phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

1. Về hình phạt:

1.1. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Đ 16 (mười sáu) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 30/12/2022.

1.2. Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm d khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 91; Điều 101; Điều 38 và Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Tô Trọng Nguyễn 0 (ba) năm tù, tổng hợp hình phạt theo bản án số 05/2023/HS-PT ngày 10/02/2023 của tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử phạt 03 năm tù. Tổng cộng bị cáo phải chấp hành hình phạt là 06 (sáu) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án là ngày 31/3/2023.

1.3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm d, h khoản 1 Điều 52; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lý M 03 (ba) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 31/12/2022.

1.4. Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm d khoản 1 Điều 52; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Út N1 03 (ba) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 31/12/2022.

1.5. Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm d khoản 1 Điều 52; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Văn K2 02 (hai) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 31/12/2022.

1.6. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ L4 02 (hai) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 31/12/2022.

1.7. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lương Văn L5 02 (hai) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 31/12/2022.

1.8. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn T2 02 (hai) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 31/12/2022.

1.9. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Văn C1 Khương 02 (hai) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 31/12/2022.

1.10. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phan Tuấn K 02 (hai) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 31/12/2022.

1.11. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phan Tuấn C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt vào chấp hành án nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 31/12/2022 đến ngày 05/01/2023.

1.12. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Hữu Đ1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt vào chấp hành án nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 31/12/2022 đến ngày 05/01/2023.

1.13. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy H 01 (một) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt vào chấp hành án nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 31/12/2022 đến ngày 05/01/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Ngày 31/8/2023, 02/9/2023, 07/9/2023, các bị cáo Nguyễn Tấn Đ, Trần Út N1, Phan Tuấn K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 11/9/2023, 12/9/2023, các bị cáo Phan Tuấn C, Lê Hữu Đ1, Nguyễn Duy H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Bản án sơ thẩm tuyên bố: bị cáo Nguyễn Tấn Đ phạm tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự; bị cáo Trần Út N1 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm a, b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự; các bị cáo Phan Tuấn K, Phan Tuấn C, Lê Hữu Đ1, Nguyễn Duy H phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm hình sự: Xử phạt các bị cáo Nguyễn Tấn Đ 16 năm tù, Trần Út N1 03 năm tù, Phan Tuấn K 02 năm tù, Phan Tuấn C 01 năm 06 tháng tù, Lê Hữu Đ1 01 năm 06 tháng tù, Nguyễn Duy H 01 năm tù, là có căn cứ, không nặng. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo K, N1, C, Đ1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo nhưng không có thêm tình tiết gì mới. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo,

Riêng bị cáo Nguyễn Tấn Đ tại phiên tòa trình bày bị cáo có ông N7 là người có công với cách mạng nhưng cấp sơ thẩm chưa xem xét nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Duy H có cung cấp thêm tình tiết có ông N7 (Phan Văn X) là người có công với cách mạng, có tham gia nghĩa vụ quốc tế ở Campuchia và được hưởng trợ cấp 1 lần theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng chính phủ đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, Bị cáo H có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, tính tới thời điểm xét xử phúc thẩm bị cáo chưa đủ 18 tuổi, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Phân trình bày của các bị cáo và người bào chữa:

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Đ trình bày: Luật sư thống nhất quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đề nghị áp dụng đối với bị cáo Đ. Tuy nhiên, về mức án đối với bị cáo là khá nghiêm khắc, vì trong vụ án này có phần lỗi của bị hại, bị cáo ra đầu thú, thành khẩn khai báo, đã bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình bị hại. Tại phiên tòa bị cáo khai có ông ngoại là người có công với cách mạng nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo cũng đủ răn đe đối với bị cáo Đ.

- Bị cáo Nguyễn Tấn Đ thống nhất quan điểm bào chữa của Luật sư và không ý kiến tranh luận bổ sung.

- Người bào chữa cho bị cáo H, Đ1, C trình bày: Các bị cáo C, Đ1, H phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, bản thân các bị cáo đã ăn năn hối cải, các bị cáo C, H có người thân là người có công với cách mạng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa án sơ thẩm giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho các bị cáo được hưởng án treo.

- Các bị cáo Phan Tuấn C, Nguyễn Duy H trình bày: Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

- Các bị cáo Trần Út N1, Phan Tuấn K trình bày: Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn Tấn Đ, Trần Út N1, Phan Tuấn K xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Các bị cáo Phan Tuấn C, Nguyễn Duy H xin cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Tấn Đ, Trần Út N1, Phan Tuấn K, Phan Tuấn C, Lê Hữu Đ1, Nguyễn Duy H làm trong hạn luật định nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Đối với bị cáo Lê Hữu Đ1 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng do bị cáo có đơn xin cho bị cáo được hưởng án treo và có người bào chữa cho bị cáo có mặt tại phiên tòa. Do vậy Hội đồng xét xử khi xem xét đơn kháng cáo của các bị cáo khác sẽ xem xét đơn kháng cáo của bị cáo Đ1 theo quy định tại Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Về tội danh:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo nêu trên đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản án sơ thẩm đã xét xử. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với bản kết luận điều tra, phù hợp với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang; đồng thời phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy đã có đủ căn cứ pháp lý để kết luận:

Nguyễn Vũ L4 cùng Trần Văn Chí K3, Lương Văn L5 đến dự khai trương vừa trái cây “Ngọc Dư” của chị Phan Thị Ngọc D1 ở ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang vào khoảng 19 giờ ngày 29/12/2022, đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì Huỳnh Thiên H2, Tô Trọng N5, Lý M đến ngồi uống rượu chung bàn; trong lúc ngồi uống rượu T, M, Nguyễn nhìn nhóm L4, L4 cho rằng nhìn điều. L4 nhắn tin lên nhóm FC qua ứng dụng Messenger facebook (nhóm đá bóng) “mọi người đầu hết rồi, qua chợ V1 Nam nhậu rước anh về dùm”. T2 điều khiển xe chở K trong người có mang theo 01 cây dao bấm, C chở Đ, H2 chở Đ1, N6 chạy xe của T2 đi một mình đến quán “Ngọc D1” gặp L4. Trong bàn giải tán nghỉ uống rượu, Thiên H2, M, N5 từ giã ra về. Huỳnh Thiên H2, Lý M và Tô Trọng Nguyễn đi về đến nhà của Bé H3 (M đang ở nhờ), Thiên H2 rủ M, Nguyễn chặn

đường nhóm của L4 đánh; M, N5 đồng ý. Thiên H2 và M kêu N5 chạy xe lại nhà L6 rước Trần Út N1, Nguyễn đến nhà L6 thấy Út N1 đang uống rượu với Trần Văn K2, Nguyễn Tấn A và B. N5 nói với Út N1, Thiên H2 kêu anh xuống chợ tiếp nó, có mấy thằng đó đến kiểm chuyện, Út N1, K2, A đồng ý đi, Nguyễn chạy xe mô tô chở Út N1, K2 chạy xe chở A đến gặp Thiên H2 và M đang chờ. Thiên H2 lấy 02 cây dao tự chế và 01 bình xịt hơi cay, H2 cầm 01 cây dao tự chế và 01 bình xịt hơi cay, H2 đưa cho M cầm 01 cây dao tự chế. Nguyễn điều khiển xe chở Thiên H2 ngồi giữa cầm bình xịt, Út N1 ngồi sau cầm dao tự chế chạy trước, K2 điều khiển xe chở A ngồi giữa, M cầm dao tự chế ngồi sau đến chợ xã V, huyện V quẹo về hướng cầu E nhỏ ra thị trấn V, huyện V. Thiên Hưng hỏi trong nhóm lại chém luôn hay đến khúc vắng đợi; M kêu cả nhóm chạy đến đoạn đường vắng, thưa nhà dân, không có đèn đường, không có camera để chờ nhóm của L4 chạy đến chặn đường đánh, chém, đến khúc vắng nhóm của Thiên H2 đậu lại cập mé lộ chờ.

Đ điều khiển xe chở L4 chạy trước, C chở K, L5 chở K3, N6 chở Đ1, T2 chạy xe một mình, Duy H chạy xe một mình ở phía sau đến. Huỳnh Thiên H2 cầm bình xịt hơi cay, Lý M cầm dao tự chế, Trần Út N1 cầm dao tự chế đi ra chặn đường, Tô Trọng N5 cầm 02 cục đá, Nguyễn Tấn A cầm 02 cục đá đứng phía sau, Trần Văn K2 đứng cạnh chiếc xe mô tô. Khi nhóm Đ chạy xe mô tô đến dừng xe lại và xuống xe. Thiên H2 cầm bình xịt hơi cay xịt vào người Đ; Út N1 cầm dao tự chế chém Đ một nhát bằng bề sống trúng lưng, M cầm dao tự chế chạy đến chém L4 một nhát bằng bề sống trúng vào vùng lưng. Út Nhỏ tiếp tục cầm dao tự chế chạy đến chém L4 bằng bề sống trúng vào vai một nhát, L4 bỏ chạy về hướng cầu 500 nhỏ để tìm hung khí. M, Út N1 cầm dao tự chế cùng N5 và A cầm đá rượt theo nhóm của L4 gây náo loạn, mất trật tự trị an ở khu dân cư. Đ móc 02 cây dao Thái lan, cán gỗ trong túi quần ra cầm trên hai tay chạy đến phía sau lưng Thiên H2 đâm 02 nhát trúng vào vùng hông và lưng (theo chiều hướng từ dưới lên). Đ bỏ chạy về hướng xã V tìm đồng bọn. Út Nhỏ và M rước đuôi theo nhóm của Đ không kịp nên quay trở lại dùng chân đạp ngã 01 chiếc xe mô tô của nhóm Đ xuống đường. Thiên Hưng liền la lên “anh ơi, nó đâm em rồi”. Lúc này Út N1, M, N5, A định đưa Thiên H2 đi bệnh viện cấp cứu thì nhóm Đ kéo đến L5 cầm võ chai, K3 cầm khúc cây trầm và mũ bảo hiểm, T2 cầm khúc cây trầm và đoạn sắt, Đ1 cầm ghế nhựa màu xanh và một khúc cây dài khoảng 01 mét, C cầm khúc ống tuýp dài khoảng 50 đến 70cm và dây xích xe mô tô, K cầm một đoạn cây gỗ to bằng cổ tay dài khoảng 60cm, Duy H cầm khúc cây và cái ghế mũ màu đỏ, N6 cầm gấp sau xe mô tô và 01 khung sắt hình hộp, Đ cầm dao Thái Lan quay trở lại rượt đuôi đánh nhóm Thiên H2 và la lới

chửi bới um sùm, gây náo loạn cả khu vực. N5 điều khiển xe mô tô chở Thiên H2 ngồi giữa, Út N1 ngồi sau ôm Thiên H2 đưa đến bệnh viện huyện V, tỉnh Kiên Giang cấp cứu nhưng Thiên H2 đã tử vong. Sự việc xảy ra làm người dân xung quanh hoảng sợ, ảnh hưởng lớn đến an ninh trật tự tại khu vực.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử các bị cáo Nguyễn Tấn Đ phạm tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự; bị cáo Trần Út N1 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm a, b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự; các bị cáo Phan Tuấn K, Phan Tuấn C, Lê Hữu Đ1, Nguyễn Duy H phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo của các bị cáo Phan Tuấn K, Trần Út N1, Phan Tuấn C, Lê Hữu Đ1:

Khi quyết định hình phạt, bản án sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho các bị cáo. Cụ thể như sau:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét quyết định hình phạt cho tất cả các bị cáo;

Đối với bị cáo Phan Tuấn C, Lê Hữu Đ1 khi phạm tội là người chưa đủ 18 tuổi nên được áp dụng các Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự để xem xét khi quyết định hình phạt.

Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo: Trần Út N1 03 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm a, b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự; Phan Tuấn K 02 năm tù, Phan Tuấn C 01 năm 06 tháng tù, Lê Hữu Đ1 01 năm 06 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Các bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới để chứng minh cho nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo như đơn kháng cáo.

[2.3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tấn Đ:

Bị cáo Nguyễn Tấn Đ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 156.000.000 đồng; bị cáo phạm tội có phần lỗi của bị hại; sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú và đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được áp dụng thêm điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Đ 16 năm tù về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự;

Bị cáo Đ có ông N7 là người có công với cách mạng nhưng cấp sơ thẩm chưa nhận định trong bản án và chưa xem xét, do đó nên xem xét tình tiết này và giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[2.4] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy H:

Bị cáo H có hành vi cầm khúc cây và cái ghế mũ màu đỏ, cùng với nhóm của Đ rượt đuổi đánh nhóm Thiên H2 và la lối chửi bới um sùm, gây náo loạn cả khu vực. Tuy nhiên khi phạm tội bị cáo H2 (sinh ngày 08/3/2006) mới 16 tuổi 09 tháng, tới ngày xét xử phúc thẩm ngày 28/02/2024 bị cáo H2 cũng chưa đủ 18 tuổi. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tại cấp phúc thẩm bị cáo có cung cấp thêm tình tiết có ông N7 (Phan Văn X) là người có công với cách mạng, có tham gia nghĩa vụ quốc tế ở Campuchia và được hưởng trợ cấp 1 lần theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng chính phủ đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo H2 có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, tính tới thời điểm xét xử phúc thẩm bị cáo chưa đủ 18 tuổi, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo có khả năng tự cải tạo, không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, nên không cần bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo được hưởng án treo với thời gian thử thách nhất định cũng đủ tác dụng cải tạo đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Áp dụng Nghị quyết 02 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy chỉ cần áp dụng biện pháp chấp hành hình phạt có điều kiện đối với bị cáo cũng đủ nghiêm. Do đó chấp nhận kháng cáo của bị cáo xử phạt bị cáo 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

[3] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Phan Tuấn K, Trần Út N1 và kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Phan Tuấn C, Lê Hữu Đ1 là không có căn cứ để chấp nhận. Kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Tấn Đ và kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Duy H là có căn cứ nên được chấp nhận.

Lời bào chữa của luật sư bào chữa cho bị cáo Đ và H là có căn cứ nên được chấp nhận. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà đối với bị cáo Nguyễn Tấn Đ và bị cáo Nguyễn Duy H. Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Tấn Đ và bị cáo Nguyễn Duy H.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Trần Út N1, Phan Tuấn K, Phan Tuấn C, Lê Hữu Đ1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

Bị cáo Nguyễn Tấn Đ và Nguyễn Duy H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Tấn Đ.

Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Duy H.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Trần Út N1, Phan Tuấn K.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo Phan Tuấn C, Lê Hữu Đ1.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2023/HS-ST ngày 30/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn Tấn Đ phạm tội “*Giết người*”.

Các bị cáo Trần Út N1, Phan Tuấn K, Phan Tuấn C, Lê Hữu Đ1, Nguyễn Duy H phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Đ 15 (mười lăm) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 30/12/2022.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2.2. Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm d khoản 1 Điều 52; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Út N1 03 (ba) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 31/12/2022.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2.3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phan Tuấn K 02 (hai) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 31/12/2022.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2.4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phan Tuấn C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt vào chấp hành án nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 31/12/2022 đến ngày 05/01/2023.

2.5. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Hữu Đ1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt vào chấp hành án nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 31/12/2022 đến ngày 05/01/2023.

2.6. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy H 01 (một) năm tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 28/02/2024.

Giao bị cáo Nguyễn Duy H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Kiên Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Nguyễn Duy H có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú trong việc giám sát và giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Trần Út N1, Phan Tuấn K, Phan Tuấn C, Lê Hữu Đ1 mỗi phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Duy H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày thời hạn hết kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Công an tỉnh Kiên Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Kiên Giang;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- UBND xã Tân Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Minh Tâm